TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2024
V/v: "*Ly hôn, con chung*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Thanh Tân

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thùy Nương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2024, về việc "*Ly hôn, nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Hà Văn N, sinh năm 1974; địa chỉ Quốc lộ F, khu phố A, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An. (có mặt)

*** Bị đơn:** Nguyễn Phượng L, sinh năm 1980; địa chỉ tạm trú số A, Khóm C, T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/02/2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Hà Văn N trình bày:

Sau khi quen biết, ông và bà Nguyễn Phượng L được cha mẹ hai bên tiến hành lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M (Phường C, thị xã K), tỉnh Long An ngày 26/9/2008. Sau khi cưới vợ chồng sống tại thị xã K, thời gian đầu sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau; từ đó bà L bế con tên Hà Chí N1 bỏ nhà ra đi cho đến nay không trở về. Ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Phượng L. Về con chung, có 02 con chung tên Hà Chí G, sinh ngày

14/6/2008 và Hà Chí N1, sinh năm 16/5/2010; hiện nay cháu G đang sống chung với ông và cháu N1 đang sống với bà L. Ông yêu cầu được nuôi cháu G và đồng ý giao cháu N1 cho bà L nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Phượng L không có bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn N và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Hà Văn N khởi kiện bà Nguyễn Phượng L có địa chỉ tại thành phố V để yêu cầu xin ly hôn và nuôi con; cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hôn nhân và gia đình "Ly *hôn, nuôi con"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Nguyễn Phượng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng bà L vẫn cố tình vắng mặt, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn N, Hội đồng xét xử thấy: Ông N và bà L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Long An ngày 26/9/2008, nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau và từ đó bà L đã bỏ nhà ra đi cho đến nay không trở về; vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo cho bà L biết việc ông N xin ly hôn nhưng bà L không có ý kiến phản đối, bỏ mặt ông N đơn phương xin ly hôn. Như vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông N và bà L đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, ông N yêu cầu được ly hôn với bà L là có cơ sở chấp nhận phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Ông N, bà L có 02 con chung tên Hà Chí G, sinh ngày 14/6/2008 và Hà Chí N1, sinh năm 16/5/2010. Xét thấy, từ năm 2011 cho đến nay cháu G được ông N nuôi dưỡng và cho ăn học đầy đủ; cháu N1 được bà L nuôi dưỡng, do đó, để đảm bảo cuộc sống các cháu không bị xáo trộn về chỗ ở và học hành nên tiếp tục giao cháu G cho ông N và cháu N1 cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con, không có ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hà Văn N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Hà Văn N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hà Văn N. Ông N được ly hôn với bà Nguyễn Phượng L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Hà Chí G, sinh ngày 14/6/2008 cho ông Hà Văn N nuôi dưỡng và giao cháu Hà Chí N1, sinh năm 16/5/2010 cho bà Nguyễn Phượng L nuôi dưỡng, ông N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông N, bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con trẻ khi cần thiết có thể thay đổi quyền nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hà Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Buộc ông Hà Văn N chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006672, ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, nên ông N không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA TPVL;
- Các đ/s.
- Ủy ban nhân dân xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; (số 95/2008, ngày 26/9/2008)
- Lưu: Hồ sơ,…

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tấn Thành